TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/DS-PT
Ngày: 02-01-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hụi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl-Kiểm sát viên.

Ngày 02/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019, về việc *"tranh chấp đòi lại tài sản (nợ hụi)"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2019/QĐ-PT ngày 16/12/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc N; sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 1, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N: Ông Nguyễn Văn Ng. Địa chỉ: số 3 Q, khóm 1, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.(vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị P; sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 71, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày: Bà Nguyễn Ngọc N làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị P là hụi viên có tham gia một phần hụi mở ngày 25/02/2015 âm lịch, 01 năm mở hụi 03 lần vào các thời gian 25/02, 25/6, 25/10, dây hụi có 11 phần, hụi giá 10.000.000 đồng, hụi có lãi, vào mỗi kỳ mở hụi thì bà

N hưởng hoa hồng số tiền là 5.000.000 đồng, theo thỏa thuận giữa chủ hụi và các hụi viên thì 15 ngày kể từ ngày mở hụi sẽ giao tiền cho hụi viên lĩnh hụi, bà N có lập "TỜ LẬP HỤI ngày 25/02/2015 âm lịch" giao cho hụi viên. Khi mở hụi đến lần thứ 07 thì bà P bỏ thăm hốt hụi nhưng không hốt được vì thăm của bà Lê Thị Cẩm H bỏ thăm cao nhất với giá là 3.170.000 đồng, sau đó bà P có thỏa thuận với bà N vì thiếu vốn làm ăn nên thỏa thuận để bà N mua lại phần hụi của bà P với giá hụi là 3.170.000 đồng thì bà N đồng ý, tính đến khi mở hụi lần thứ 07 thì bà P góp được (06 kỳ hụi chết x 10.000.000 đồng = 60.000.000 đồng) + (04 kỳ hụi sống x 6.830.000 đồng = 27.320.000 đồng), tổng số tiền bà N mua hụi của bà P là 82.320.000 đồng, khi đó giữa bà P và bà N có thỏa thuận bà P chịu trách nhiệm góp lại cho bà N 04 kỳ hụi chết còn lại của phần hụi trên là 40.000.000 đồng và góp thêm 02 kỳ hụi với số tiền là 20.000.000 đồng và bà P đồng ý nên đã ký tên vào biên nhận lập ngày 06/4/2017 thừa nhận còn đóng lại cho bà N 06 lần, tuy nhiên sau đó bà P có góp lại hụi chết cho bà N đến khi mãn hụi là ngày 25/06/2018 âm lịch với số tiền 04 lần x 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng, số tiền còn lại 02 lần là 20.000.000 đồng theo thỏa thuận thì bà P không trả cho bà N.

Nay bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu bà Lâm Thị P hoàn trả số tiền hụi còn lại theo thỏa thuận mua hụi là 20.000.000 đồng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lâm Thị P trình bày:* Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N về toàn bộ nội dung hợp đồng góp hụi giữa bà N với bị đơn bà Lâm Thị P. Tuy nhiên, việc nguyên đơn cho rằng vào kỳ mở hụi thứ 7 thì bị đơn bà P không hốt được hụi, do bà Lê Thị Cẩm H bỏ thăm cao nhất giá 3.170.000 đồng hốt hụi nên bà P thỏa thuận để bà N mua lại phần hụi của bà P với giá bà H bỏ thăm là không đúng sự thật vì bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận mua hụi giữa bà N và bà P mà các tài liệu bà N cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc bà P hốt hụi vào kỳ mở hụi thứ 7; mặt khác Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ từ bà H nhưng không thực hiện được do bà H bỏ địa phương không rõ địa chỉ; đồng thời, sau khi hốt hụi kỳ thứ 7 bà P đã thực hiện xong nghĩa vụ của hụi viên là góp đầy đủ 04 kỳ hụi chết đến mãn hụi cho bà N là 40.000.000 đồng và bà N cũng thừa nhận việc này. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà P vẫn không thừa nhận có việc thỏa thuận mua hụi như nguyên đơn bà N trình bày và tại phiên tòa phía nguyên đơn bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận mua hụi. Đối với việc trong biên nhận có ghi còn đóng lại 06 lần là do trong quá trình làm biên nhận có sự nhầm lẫn vì khi hốt hụi thì nguyên đơn giao đủ tiền hụi cho bị đơn sau đó 03 ngày mới bắt đầu ký biên nhận có nhận số tiền hụi là 82.320.000 đồng vì thế do tin tưởng lẫn nhau nên bị đơn không xem lại nội dung biên nhận và đồng ý ký tên vì nghĩ rằng có nhận tiền hụi thì ký biên nhận.

Từ những tình tiết như nêu trên bị đơn bà Lâm Thị P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N.

- Bị đơn bà Lâm Thị P thống nhất với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên không bổ sung thêm.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 20 và Điều 25 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị P hoàn trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009257 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng; như vậy bà Nguyễn Ngọc N còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 04/11/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn bà Nguyễn

Ngọc N chấm dứt ủy quyền theo Điều 569 Bộ luật Dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện cho nguyên đơn.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 04/11/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện P vào ngày 04/11/2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét lý do kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N, buộc bị đơn bà Lâm Thị P có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 20.000.000 đồng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N và bị đơn bà Lâm Thị P thống nhất xác định: Bà N là chủ hụi, bà P là hụi viên có tham gia dây hụi mở ngày 25/02/2015 âm lịch, 01 năm mở hụi 03 lần vào các thời gian 25/02, 25/6, 25/10, dây hụi có 11 phần, bà P tham gia góp 01 phần, hụi giá 10.000.000 đồng, hụi có lãi vào mỗi kỳ mở hụi thì bà N hưởng hoa hồng số tiền là 5.000.000 đồng, bà N có lập "TỜ LẬP HỤI ngày 25/02/2015 âm lịch" giao cho hụi viên, bà P góp được 06 kỳ hụi đến kỳ mở hụi thứ 07 thì bà P bỏ thăm hốt hụi, bà N đã giao tiền hụi cho bà P số tiền là 82.320.000 đồng, bà P góp hụi chết đến mãn hụi ngày 25/06/2018 âm lịch là 04 kỳ với số tiền là 40.000.000 đồng. Đây là sự kiện pháp lý không phải chứng minh vì hai bên đương sự đều thừa nhận theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N cho rằng vào kỳ mở hụi thứ 07 thì bị đơn bà Lâm Thị P bỏ thăm hốt hụi nhưng không hốt được nên thỏa thuận để bà P mua lại phần hụi của bà N và ngoài việc thực hiện nghĩa vụ của hụi viên là góp lại cho bà N 04 kỳ hụi chết là 40.000.000 đồng của dây dụi nêu trên thì giữa bà N và bà P thỏa thuận bà P phải góp thêm 02 kỳ hụi với số tiền là 20.000.000 đồng, tổng cộng bà P phải góp lại 06 kỳ và bà P đã ký tên vào "BIÊN NHẬN lập ngày 06/4/2017 thừa nhận còn đóng lại cho bà N 06 lần" nên bà N yêu cầu bà P thực hiện thỏa thuận phải hoàn trả cho bà N 02 kỳ hụi là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ bà N cung cấp cụ thể: Tại bút lục 18 thể hiện *"Hụi mùa 10.000.000 (Mười triệu), khui ngày 25-02-2017 âl , dây số 2, tổng số 11^p - 1^p = 10^p, ra 3.170.000 đóng 6.830.000, chị Q (Phương) hốt lần 7, chết 6^p x 10.000.000 = 60.000.000, sống 4^p x 6.830.000 = 27.320.000, tổng cộng 87.320.000, trừ đầu 5.000.000, còn lại 82.320.000"* và tại bút lục 21 thể hiện *"BIÊN NHẬN hôm nay ngày 6/4/2017 (nhằm ngày 10/3/2017), tôi tên Lâm Thị P, sinh năm 1974 có nhận số tiền 82.320.000 (tám mươi hai triệu ba trăm hai chục nghìn) chân hụi 4 tháng khui một lần chân 10 triệu còn đóng lại 6 lần"*

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên mà bà N cung cấp không thể hiện việc thỏa thuận mua hụi giữa bà N với bà P mà chỉ thể hiện việc bà P hốt hụi kỳ thứ 7, ngoài ra bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận mua hụi giữa bà N với bà P. Đồng thời, bà N cho rằng kỳ hụi thứ 7 do bà Lê Thị

Cẩm H bỏ thăm cao nhất nên hốt hụi nhưng bà N không xuất trình được chứng cứ để chứng minh bà H là người kêu hốt và hốt được chân hụi tại kỳ thứ 7 của dây hụi và việc bà N giao tiền hụi được hốt cho bà H cũng không có gì để chứng minh. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không làm việc được với bà H vì bà H đã bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ, do đó không thể kiểm chứng việc mua bán hụi giữa bà N với bà P là có hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có mặt xác nhận kỳ hụi thứ 7 do bà H hốt nhưng bị đơn bà P không thừa nhận, nguyên đơn bà N cũng như bà H không có tài liệu chứng minh kỳ hụi thứ 7 do bà H hốt.

Tại (bút lục 21) bà N và người làm chứng bà Phan Thị Mụi xác định biên nhận do bà N đọc cho bà Mụi ghi thì thời điểm đó không có mặt bà P và sau đó bà P mới ký tên vào biên nhận và tại phiên tòa bà Mụi khẳng định không biết cụ thể việc tham gia góp hụi giữa bà N và bà P mà chỉ biết bà P có tham gia hụi của bà N nên khi bà N nhờ viết thì bà Mụi đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà P không thừa nhận có việc mua hụi như bà N trình bày và bà P đã thực hiện nghĩa vụ của hụi viên xong không còn nợ bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà P cung cấp tờ giấy thể hiện bà P (Q là chồng của bà P) hốt lần thứ 7 và nguyên đơn bà N thừa nhận chữ viết của bà nên qua tờ giấy này đã chứng minh được kỳ hụi thứ 7 do bị đơn bà P hốt, chứ không phải bà H hốt như lời trình bày của các bà N, bà H.

Hơn nữa, mặc dù bị đơn bà P có ký tên vào biên nhận ngày 10/3/2017 (sau ngày bà P hốt hụi là ngày 25/02/2017) có thể hiện bà P còn đóng lại 06 lần nhưng không có tài liệu khác kiểm tra để chứng minh bà P phải đóng lại 06 lần, lẽ ra khi cho bà P hốt hụi ngày 25/02/2017 thì bà N phải ghi thể hiện bà P phải đóng lại 06 lần.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc thỏa thuận mua hụi giữa bà N và bà P là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N là không có căn cứ để chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Ngọc N chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 21-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng và tuyên lại như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 20 và Điều 25 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị P hoàn trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009257 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng; như vậy bà Nguyễn Ngọc N còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Lâm Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc N chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001073 ngày 06/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng, bà Nguyễn Ngọc N đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3/. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Thái Rết